

Số: /GPMT-UBND Hà Nội, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Bệnh viện Nội tiết Trung ương tại Văn bản số 202/BVNTTW ngày 08/3/2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện Nội tiết Trung ương Cơ sở Tứ Hiệp và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 9663/TTr-STNMT-TNN ngày 12/12/2023 về việc cấp Giấy phép môi trường cho Bệnh viện Nội tiết Trung ương cơ sở Tứ Hiệp tại đường Nguyễn Bô, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Bệnh viện Nội tiết Trung ương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện Nội tiết Trung ương cơ sở Tứ Hiệp tại đường Nguyễn Bô, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Nội tiết Trung ương cơ sở Tứ Hiệp.

1.2. Địa điểm hoạt động: đường Nguyễn Bô, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

1.3. Bệnh viện Nội tiết Trung ương được thành lập theo Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 16/09/1969 của Bộ Y tế. Quy chế Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Nội tiết Trung ương theo Quyết định số 3994/QĐ-BYT ngày 30/08/2019 của Bộ Y tế.

1.4. Mã số thuế: 0101451859

1.5. Loại hình, lĩnh vực hoạt động của Dự án: Y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

a) Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

b) Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật đầu tư công).

c) Quy mô Bệnh viện:

- Diện tích khu đất: 15.601m².
- Diện tích xây dựng: 6.588m².
- Mật độ xây dựng: 40%.
- Diện tích sân đường giao thông: 4.670,6m².
- Diện tích cây xanh thảm cỏ, sân bãi: 4.690m².
- Mật độ giao thông: 29,94%.
- Mật độ cây xanh: 30,06%.
- Tầng cao công trình phần nổi: 09 tầng.
- Diện tích sàn xây dựng (phần nổi): 43.279,12m².
- Hệ số sử dụng đất: 2,77 lần.

Các công trình chính của Bệnh viện gồm:

+ Nhà khám và chữa bệnh 5 tầng (nhà A) gồm 5 tầng cao, 1 tầng hầm và 1 phòng kỹ thuật trên mái có diện tích mặt bằng 2.438m², tổng diện tích sử dụng là 18.019m²;

+ Nhà điều trị 9 tầng (nhà B) có diện tích mặt bằng 2.062m², tổng diện tích sử dụng là 16.571m²;

+ Nhà đào tạo 3 tầng (khối nhà cầu nối nhà A và B) có tổng diện tích 399m²;

+ Nhà khám bệnh 9 tầng, 1 tum xây mới (nhà C) có diện tích mặt bằng 1.126,09 m², tổng diện tích sử dụng là 10.475,56m².

- Quy mô giường bệnh: 1.079 giường bệnh, trong đó: 1040 giường điều trị nội trú và 39 giường điều trị ban ngày (theo Quyết định số 2244/QĐ-BYT ngày 04/4/2018 của Bộ Y tế về việc giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh năm 2018 cho các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Nội tiết Trung ương.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Nội tiết Trung ương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đền cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày tháng 12 năm 2023 đến ngày tháng 12 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND Thành phố; (để b/c)
- PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông;
- VPUBTP: CVP, PCVP_{P.T.Thu Huyện};
- Các phòng: TH, TNMT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;
- UBND huyện Thanh Trì;
- Bệnh viện Nội tiết Trung ương;
- Công thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, TNMT.

MHS: 7242/2023 (P.H.Bình -TNN)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thu Hà

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(ban hành kèm theo Giấy phép số /GPMТ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND Thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nội dung cấp phép xả nước thải:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: từ các khu vệ sinh, các khoa phòng khám chữa, điều trị bệnh.
- Nguồn số 02: từ khu bếp ăn, căngtin.
- Nguồn số 03: từ khu giặt tẩy.
- Nguồn số 04: từ quá trình khử khuẩn dụng cụ, thiết bị y tế.
- Nguồn số 05: từ hoạt động điều trị ung thư bằng phương pháp xạ trị.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước khu vực trên đường Nguyễn Bô, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

a) Đường Nguyễn Bô, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

b) Tọa độ vị trí xả nước thải (tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰):

$$X = 2317291 \quad Y = 588222$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 400m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sau Hệ thống xử lý tập trung được bơm theo đường ống HDPE D110 dẫn về 01 hố ga thu nước thải (kích thước 0,7x0,7x0,95m), sau đó tự chảy vào đường ống thoát nước D600 (chiều dài 100m) ra hệ thống thoát nước D1000 hiện trạng trên đường Nguyễn Bô, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, hệ số k=1, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6,5 - 8,5		
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50		
3	COD	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
12	<i>Tổng coliforms</i>	MPN/100ml	5.000		
13	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	<i>Shigella</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		
15	<i>Vibrio cholerae</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ các khu vệ sinh và các khoa phòng khám chữa, điều trị bệnh được thu gom và xử lý sơ bộ qua Bể tự hoại, trong đó: tại Nhà A (5 tầng) là 01 bể có thể tích 20m³, tại Nhà B (9 tầng) là 03 bể gồm 02 bể có thể tích 20m³/bể và 01 bể thể tích 10m³, tại Nhà C (9 tầng) là 01 bể có thể tích 20m³ và đưa về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu bếp, căng tin được thu gom và xử lý sơ bộ qua Bể tách mỡ (01 bể, thể tích 06m³) và đưa về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Nguồn số 03: Nước thải từ khu giặt tẩy được thu gom về bể tiền xử lý gồm 02 ngăn, công suất xử lý 25m³/ngày đêm (bổ sung hóa chất H₂SO₄ để trung hòa pH và hóa chất trợ lắng PAC, PAA) trước khi đưa về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình khử khuẩn dụng cụ, thiết bị y tế được thu gom và đưa về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Nguồn số 05: Chất thải lỏng phóng xạ từ khoa Y học hạt nhân và Ung bướu thu gom về Bể trung gian, bơm về Hệ thống các bể xử lý phóng xạ gồm 07 bể chứa riêng biệt, thể tích 60m³/bể, được thiết kế bảo đảm theo các quy chuẩn về an toàn phóng xạ. Sau khi hết thời gian bán rã (>90 ngày), nước thải được đo, kiểm tra nồng độ phóng xạ và bơm vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

Bệnh viện đã ban hành Quy trình quản lý chất thải lỏng phóng xạ số QT.BVNT.YHHN.20 kèm theo Quyết định số 1090/QĐ-BVNTTW ngày 24/11/2021.

1.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bể tách rác, cát lần 1,2 → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng.

Hệ thống được chia thành 04 module hợp khối tại các Bể thiếu khí, Bể hiếu khí, Bể lắng, Bể khử trùng. Mỗi module có công suất 100 m³/ngày đêm.

- Công suất thiết kế: 400m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Javel.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố của Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý, vận hành ổn định theo đúng quy trình vận hành. Khi gặp sự cố, toàn bộ nước thải phát sinh thu gom tại các Bể xử lý và kịp thời có phương án khắc phục, bảo đảm không xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép ra môi trường. Khi các bể xử lý đầy (vượt quá ngưỡng an toàn) hoặc quá thời gian lưu chứa mà chưa khắc phục được sự cố, thuê Đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đảm bảo đầy đủ các quy định về kỹ thuật theo yêu cầu.

Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải phải đáp ứng theo quy định khoản 3 Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Sự cố ngập úng: Khơi thông cống rãnh; bố trí hệ thống bơm dự phòng để bơm thoát nước ra điểm xả theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Bệnh viện Nội tiết Trung ương chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của

Giấy phép này ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải (số liệu lưu lượng xả nước thải, lượng điện tiêu thụ, loại hóa chất, chất dinh dưỡng sử dụng, bùn thải phát sinh).

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(ban hành kèm theo Giấy phép số /GPMТ-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND Thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

2. Dòng khí thải và vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.1. Vị trí xả thải: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến 105^0 , múi chiều 3^0):

$$X = 2317766; Y = 588567.$$

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $1.000\text{m}^3/\text{giờ}$.

2.3. Phương thức xả khí thải: Liên tục.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội - QCTĐHN 01:2014/BTNMT, $K_p = 1$, $K_v = 0,7$ đối với thông số SO_2 và $K_v = 0,8$ đối với thông số NH_3 và H_2S . Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	SO_2	mg/Nm^3	350	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	NH_3	mg/Nm^3	40		
3	H_2S	mg/Nm^3	6		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Mùi và khí thải phát sinh trong quá trình xử lý nước thải → Quạt hút → Tháp xử lý (hấp phụ bằng than hoạt tính) → Ống thoát khí D150, cao vượt mái công trình 0,7m.

- Công suất quạt hút: $1.000\text{m}^3/\text{giờ}$.

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải để phát hiện các lỗi hỏng hóc và có kế hoạch sửa chữa kịp thời; đảm bảo thiết bị dự phòng. Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, cần ngừng ngay hoạt động của nguồn phát sinh để khắc phục sự cố, hệ thống chỉ được vận hành trở lại sau khi khắc phục xong sự cố.

b) Máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) được đặt trong phòng riêng và sử dụng nhiên liệu đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi thải an toàn và đạt quy chuẩn về chất lượng bụi, khí thải theo quy định.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(ban hành kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND Thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn/lỏng	NH	52.000
2	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	NH	60
3	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Rắn/lỏng	KS	1.200
4	Dược phẩm gây độc tế bào	13 01 03	Rắn	NH	250
5	Các thiết bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng	13 03 02	Rắn	KS	170
6	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	Rắn	KS-R	180
7	Bao bì cứng bằng nhựa thải	18 01 03	Rắn	KS-R	250
8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	100
9	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	KS	50
10	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	03 05 08	Bùn	NH	11.930
11	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	50
TỔNG KHỐI LƯỢNG					66.240

1.2. Khối lượng rác thải y tế thông thường: 14.115 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 613,12 tấn/năm.

1.4. Bùn thải: từ bể tự hoại khoảng 195kg/năm; từ Bể tiền xử lý nước thải giặt là khoảng 511kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

Chất thải phát sinh từ các phòng bệnh, phòng làm việc, khu vực hành lang và khu sân đường nội bộ, bố trí các thùng với dung tích từ 20 - 60 lít có lót túi

và có màu theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT đối với từng loại chất thải.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại (CTNH):

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải y tế lây nhiễm (sắc nhọn, không sắc nhọn, có nguy cơ lây nhiễm cao) đựng trong thùng/hộp có lót túi và có màu vàng.
- Chất thải nguy hại không lây nhiễm ở dạng rắn/lỏng được thu gom trong các thùng/dụng cụ lưu chứa chất lỏng có nắp đậy kín, có màu đen, có mã, tên loại chất thải.

Hàng ngày được thu gom tập kết và lưu giữ tạm thời tại Kho lưu giữ chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại: diện tích 25m² chia làm hai khu vực: nơi lưu giữ chất thải lây nhiễm diện tích 12,5m² và nơi lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm diện tích 12,5m² có biển chỉ dẫn, cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định. Bố trí 20 thùng lưu chứa riêng biệt dung tích 120 lít, có dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại, biển cảnh báo tương ứng.

- Đối với chất thải lây nhiễm phát sinh, thời gian lưu giữ không quá 02 ngày trong điều kiện bình thường. Trường hợp lưu giữ chất thải lây nhiễm trong thiết bị bảo quản lạnh ở nhiệt độ dưới 8°C, thời gian lưu giữ tối đa không quá 07 ngày;

- Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm, thời gian lưu giữ không quá 01 năm kể từ thời điểm phát sinh chất thải.

Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải được lưu giữ tạm thời tại bể chứa bùn, định kỳ được thu gom, quản lý, xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn y tế thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: đựng trong túi/thùng có lót túi và có màu xanh. Chất thải sắc nhọn đựng trong dụng cụ kháng thủng;
- Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: đựng trong túi/thùng có lót túi và có màu trắng.

Hàng ngày, chất thải được thu gom về Kho lưu giữ chất thải thông thường.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải thông thường: diện tích 25m². Bố trí các thiết bị lưu chứa phù hợp, đảm bảo an toàn không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt đựng trong túi/thùng có lót túi và có màu xanh, phân loại theo nguyên tắc: chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng, chất thải thực phẩm, chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Chất thải rắn phát sinh từ khu vực công cộng, đựng tại các xe rác bằng inox dung tích 550lít.

Hàng ngày, chất thải được thu gom về Khu lưu chứa rác thải sinh hoạt.

2.3.2. Khu tập kết rác thải sinh hoạt: diện tích 20m². Bố trí các thùng dung tích 550lít (thực hiện phân loại rác thành 03 thành phần chất thải sinh hoạt).

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải từ các công trình xử lý nước thải:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung lưu chứa tại bể chứa bùn; bùn từ bể tiền xử lý nước thải giặt, từ bể tự hoại, dầu mỡ thải từ bể tách dầu mỡ, hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu hút, xử lý theo quy định.

2.5. Chuyển giao và quản lý chất thải

2.5.1. Chuyển giao chất thải

- Chất thải y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại phải được chuyển giao cho đơn vị có Giấy phép phù hợp để vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt được chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật.

2.5.2. Quản lý chất thải :

- Việc quản lý chất thải y tế thực hiện theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

- Việc quản lý chất thải sinh hoạt, chất thải thông thường, chất thải nguy hại thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 của Bộ Khoa học Công nghệ về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT- BKHCN-BYT ngày 09/6/2014.

2. An toàn về cháy, nổ: tập huấn, trang bị các phương tiện chữa cháy, bảo hộ theo quy định. Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình- QCVN 06:2021/BXD.

3. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường theo sự cố môi trường theo Điều 122, 124, 125, 126 Luật bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(ban hành kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND Thành phố Hà Nội)

1. Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng theo quy định tại Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Thực hiện các trách nhiệm bảo vệ môi trường của Chủ đầu tư Dự án, nhà thầu thi công trong thi công xây dựng và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng.

2. Quá trình thi công xây dựng Dự án phải thực hiện đúng quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường, các biện pháp giảm bụi, khí thải trong quá trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh- QCVN 05:2013/BTNMT.

3. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT (Bảng 1- Khu vực đặc biệt) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung- QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 1 - Khu vực đặc biệt).

4. Quản lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng

a) Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng phải được quản lý, phân loại, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58, 66 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Điều 33 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Hợp đồng với đơn vị có Giấy phép phù hợp để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thời gian lưu trữ không quá 1 năm kể từ thời điểm phát sinh.

Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu, bãi tập kết phế thải xây dựng 20m² tại địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng. Chất thải rắn sinh hoạt, nguy hại đưa về Khu vực lưu giữ tập trung của Bệnh viện.

Việc thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trong xây dựng Dự án phải thực hiện theo quy định tại Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

Thực hiện quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành

phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội.

5. Thu gom và xử lý nước thải trong quá trình thi công xây dựng

a) Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải định kỳ, không thải ra môi trường.

b) Nước thải rửa xe, rửa dụng cụ thu gom về hồ lắng ($01m^3$) có lớp vải lọc dầu (định kỳ thay thế và thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại). Định kỳ nạo vét bùn tại Bể lắng và nước thải được tái sử dụng.

c) Hệ thống thoát nước mưa gồm các rãnh thu ($0,5 \times 0,8m$) sau đó qua hồ lắng tạm thời ($01m^3$) để lắng đọng đất đá và cặn lơ lửng trước khi thoát vào hệ thống thoát nước của khu vực..

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ nước thải, bùn lắng khi kết thúc hoạt động thi công, xây dựng.

6. Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý, chương trình giám sát và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như cam kết trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường thanh tra, kiểm tra khi cần thiết.

7. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng và vận hành dự án.

9. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường tới UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Thanh Trì để quản lý.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 62 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì phải thực hiện theo quy định tại văn bản mới.